



Bài báo nghiên cứu VĂN XUÔI HƯ CẦU NGUYỄN NGỌC TƯ TỪ GÓC NHÌN CỔ MẪU

Hoàng Thị Thùy Dương

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Hoàng Thị Thùy Dương – Email: duonghtt@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 07-9-2024; Ngày nhận bài sửa: 05-11-2024; Ngày duyệt đăng: 04-3-2025

TÓM TẮT

Nguyễn Ngọc Tư là nhà văn nữ tiêu biểu của văn học Nam Bộ. Nhà văn này có nhiều tác phẩm văn xuôi hư cấu, gồm truyện ngắn và tiểu thuyết, thể hiện đậm nét cuộc sống và con người Nam Bộ. Kết quả khảo sát 7 tập truyện ngắn và 2 tiểu thuyết của Nguyễn Ngọc Tư cho thấy tác giả đã thể hiện các cổ mẫu như nước, đất, cây, gió, mây, trời, cánh đồng, lúa, khói, thuyền, bến, người phụ nữ, mộng... Các cổ mẫu này mang những ý nghĩa khác nhau. Điểm chung của chúng là đã tồn tại từ xa xưa, thể hiện sự gắn bó lâu đời của con người và tự nhiên, bày tỏ đời sống tâm hồn của con người, tạo nên sự đồng cảm trong lòng người đọc. Bài viết này trình bày các dạng thức và ý nghĩa của các cổ mẫu tiêu biểu nhất trong văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư, gồm: cổ mẫu nước, cổ mẫu đất, cổ mẫu cây và cổ mẫu người nữ; từ đó, bài viết góp phần trình bày và lý giải những đóng góp của nhà văn này đối với văn học Việt Nam đương đại.

Từ khóa: cổ mẫu; văn xuôi hư cấu; tự nhiên; Nguyễn Ngọc Tư

1. Đặt vấn đề

Huyền thoại học (mythology) là ngành khoa học nghiên cứu về huyền thoại. Trong đó, huyền thoại được hiểu là các quan niệm hoang đường về thế giới nằm rải rác trong văn hóa các tộc người, từ truyện kể, tôn giáo, nghệ thuật... Huyền thoại học có cội nguồn từ sự tìm hiểu của khoa dân tộc học đối với những tài liệu huyền thoại của các dân tộc trên thế giới. Trải qua quá trình phát triển bền bỉ, huyền thoại học đã có những đóng góp lớn lao cho hiểu biết của con người về huyền thoại. Một trong những lý thuyết chính của huyền thoại học là lý thuyết phân tâm học với hai đại diện tiêu biểu là Sigmund Freud và Carl Gustav Jung. Nhà tâm lý học người Thụy Sĩ Carl Gustav Jung (1875-1961) đã xác lập khái niệm Archetype vào năm 1912. Thuật ngữ Archetype hay còn gọi là vết tích bản cổ, hình ảnh nguyên thủy, cổ mẫu, siêu tượng, mẫu gốc... Theo Jung, đó là “những yếu tố tâm thần không thể cắt nghĩa được bằng một sự việc xảy ra trong đời sống cá nhân, nó hình như bẩm sinh đã có, có từ nguyên thủy, nó là một thành phần trong gia tài tinh thần của nhân loại” (Jung, 2007, p.96). Cổ mẫu là sự hiện hữu cụ thể của kinh nghiệm tâm linh nhân loại. Nó có sức sống mạnh mẽ

Cite this article as: Hoang, T. T. D. (2025). Nguyen Ngoc Tu's fictional prose from an archetypal perspective. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(10), 1768-1778. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.10.4497\(2025\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.10.4497(2025))

trong hoạt động sáng tạo của con người, đặc biệt là văn học. Việc tìm hiểu cổ mẫu trong tác phẩm văn học sẽ cho thấy hình thái, chức năng gốc của cổ mẫu trong tư duy huyền thoại và sự chuyển hóa của nó trong tác phẩm văn học. Qua đó, giá trị của tác phẩm không chỉ được khám phá về mặt nội dung và nghệ thuật mà còn ở chiều sâu văn hóa nhân loại.

Trong văn học viết, loại hình tự sự gồm văn xuôi hư cấu (fiction) và văn xuôi phi hư cấu (non-fiction). Trong đó, văn xuôi hư cấu, bao gồm truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết... là những tác phẩm dựa trên sự sáng tạo của nhà văn. Văn xuôi phi hư cấu bao gồm hồi ký, bút ký, nhật ký, du ký, phóng sự, tùy bút... là những tác phẩm dựa trên những tư liệu xác thực. Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư là một nhà văn tiêu biểu của văn học Việt Nam đương đại. Bà viết nhiều tác phẩm văn xuôi hư cấu, bao gồm truyện ngắn và tiểu thuyết, thể hiện đậm nét cuộc sống và con người Nam Bộ. Bài viết này khảo sát các tác phẩm văn xuôi hư cấu tiêu biểu của Nguyễn Ngọc Tư bao gồm 7 tập truyện ngắn: *Ngọn đèn không tắt* (6 truyện, 2000), *Giao thừa* (17 truyện, 2003), *Cánh đồng bất tận* (14 truyện, 2005), *Gió lẻ và 9 câu chuyện khác* (10 truyện, 2008), *Khói trời lơ lửng* (10 truyện, 2010), *Đảo* (17 truyện, 2014), *Không ai qua sông* (13 truyện, 2016); 2 tiểu thuyết *Sông* (2012), *Biên sử nước* (2020). Trong đó, tập truyện ngắn *Giao thừa* có 5 truyện đã từng xuất hiện trong tập *Cánh đồng bất tận*. Vì vậy, tổng số tác phẩm được khảo sát trong bài viết này là 82 truyện ngắn và hai tiểu thuyết.

Với các tác phẩm này, nhà văn Nguyễn Ngọc Tư đã tái hiện các cổ mẫu – thể hiện ý nghĩa của tự nhiên, sự gắn bó lâu đời của con người và tự nhiên, sự gắn bó giữa người và người. Các cổ mẫu đã góp phần tạo nên sự thấu hiểu và sự đồng cảm trong lòng người đọc. Bài viết này trình bày các dạng thức và ý nghĩa của các cổ mẫu tiêu biểu trong văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư. Từ đó, bài viết góp phần trình bày và lí giải những đóng góp của nhà văn đối với văn xuôi hư cấu Việt Nam đương đại.

2. Giải quyết vấn đề

Bài viết khảo sát các tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Ngọc Tư bao gồm 7 tập truyện ngắn và hai tiểu thuyết. Nhà văn đã tái hiện nhiều cổ mẫu như nước, đất, cây, gió, trời, cánh đồng, lửa, khói, thuyền, bến, người nữ, mộng... Các cổ mẫu này vừa thể hiện đặc trưng vùng miền: tự nhiên, con người và cuộc sống miền Tây Nam Bộ; vừa thể hiện những kí ức tâm linh của nhân loại. Trong đó, các cổ mẫu tiêu biểu nhất của các tác phẩm này là cổ mẫu nước, cổ mẫu đất, cổ mẫu cây và cổ mẫu người nữ.

2.1. Cổ mẫu nước

Điều kiện địa lí vùng Nam Bộ vừa có nguồn nước ngọt với sông ngòi kênh rạch chằng chịt, vừa có đầu nguồn nước mặn của biển. Trong văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư, cổ mẫu nước là cổ mẫu xuất hiện nhiều nhất. Cổ mẫu này hiện lên chủ yếu trong hình thái của biển, sông, kênh rạch, địa, ao... Kết quả khảo sát các tác phẩm cho thấy biển rộng mênh mông chỉ dành cho những con tàu lớn, thường gắn với những cuộc xâm lấn của nước mặn vào đất liền. Trong khi đó, sông, kênh, rạch, địa, ao... hiền hòa hơn, thân thuộc với cuộc sống của người dân hơn. Kết quả khảo sát cũng cho thấy hầu như bất kì tác phẩm nào trong

các tập truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư cũng xuất hiện cổ mẫu nước. Người dân thường chèo ghe, đi tàu để đánh bắt tôm, cá; để bán hàng; để di chuyển từ nhà này qua nhà khác, từ vùng này qua vùng khác... Một số truyện ngắn xuất hiện cổ mẫu nước trong tên tác phẩm gồm *Nhớ sông, Dòng nhớ (Cánh đồng bất tận); Mưa mây (Không ai qua sông); Mưa qua trắng gió, Coi tay vào sáng mưa (Đảo); Nước như nước mắt (Khói trời lộng lẫy); Chuồn chuồn đập nước (Gió lẻ và 9 câu chuyện khác)*. Tiểu thuyết *Sông* viết về một dòng sông không có thật – dòng sông Di. Tuy nhiên, sông Di mang tất cả những đặc điểm của các dòng sông thật nhất trên đời. Tiểu thuyết *Biên sử nước* viết về sự chảy trôi của nước. Trong hai tiểu thuyết này, nước vừa tồn tại, vừa chứng kiến sự tồn tại của con người. Cuộc đời con người cũng như nước, luôn luôn biến động và chảy trôi.

Theo *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới: huyền thoại, chiêm mộng, phong tục, cử chỉ, dạng thể, các hình, màu sắc, con số*, cổ mẫu nước mang nhiều ý nghĩa “những ý nghĩa tượng trưng của nước có thể quy về ba chủ đề chiếm ưu thế: nguồn sống, phương tiện thanh tẩy, trung tâm tái sinh. Ba chủ đề này thường gặp trong những truyền thuyết cổ xưa nhất và hình thành những tổ hợp hình tượng đa dạng nhất và đồng thời cũng chặt chẽ nhất” (Chevalier & Gheerbrant, 2002, p.709). Thật vậy, nước có thể mang lại sự sống, sự sinh sôi nảy nở. Nước chảy từ nguồn, nước của sự sống được coi là một biểu tượng về nguồn gốc vũ trụ. Hơn nữa, nước với bản chất thanh khiết có thể thanh lọc vạn vật và có năng lực cứu sinh.

Cổ mẫu nước trong văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư thể hiện nước là nguồn sống của con người và sinh vật. Biển, sông, kênh, rạch, đìa, ao... nuôi nấng sinh vật trong lòng của nó. Đồng thời, nó cũng nuôi nấng con người. Con người đánh bắt cá, tôm... để duy trì sự sống. Cảnh thường thấy trong tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư là người dân đi chài lưới để phục vụ cho bữa ăn, để bán lấy tiền trang trải cho cuộc sống. Nước dung chứa từ những con cá, con tôm bình dị nhất cho đến những sản vật quý giá để nuôi dưỡng cuộc sống con người... Truyện *Nước như nước mắt (Khói trời lộng lẫy)* kể rằng nước dung chứa loài cá bạc đầu. Loài cá này quý đến mức sách bi kí chép rằng năm 813 có một làng chài lưới bị tàn sát vì giữ lại cá bạc đầu mà không cống nạp cho vua. Tiểu thuyết *Sông* kể về loài ốc Bụt khiến con người ăn vào có thể sống thêm vài chục năm, loài ốc này được ghi trong *Di lưu kí*.

Cổ mẫu nước trong văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư còn mang ý nghĩa thanh tẩy và tái sinh đối với con người. Đối với nhiều nhân vật trong văn xuôi hư cấu Nguyễn Ngọc Tư, khi buồn đau, họ tìm về với nước để tìm một sự thanh lọc, sự an ủi đối với tâm hồn. Họ chèo ghe, họ ngắm nhìn sông nước mênh mông, họ trở về với cuộc đời phiêu bạt trên sông nước để tìm thấy ý nghĩa của cuộc đời. Nhân vật có thể dễ dàng thoát khỏi cuộc sống bình yên mà họ cho là tẻ nhạt ở đất liền để dấn thân vào cuộc đời sông nước đầy mới lạ. Trong *Thềm nắng sau lưng (Khói trời lộng lẫy)*, Bằng cảm thấy được tái sinh khi sống cuộc đời sông nước. Vùng Túi của sông Di (tiểu thuyết *Sông*) gắn liền với câu chuyện cổ: những người bị nghi ngờ có tội bị đưa ra vùng Túi. Ai có thể bơi trở về đất liền sẽ nghiễm nhiên

được tin là vô tội. Thậm chí, ở tiểu thuyết *Sông*, các nhân vật đã tìm về với nước như một sự giải thoát. Ân cùng hai người bạn là Bối và Xu đã thực hiện chuyến du khảo sông Di. Mỗi người mang theo một nỗi niềm riêng. Ân mang theo nỗi đau bị phụ bạc trong tình yêu. Bối mang theo nỗi buồn đau khi chàng luôn bị lạc loài trong gia đình. Xu vốn là trẻ mồ côi và khao khát tìm hiểu thân phận của mình. Cuối cùng, các nhân vật này đã tìm đến khu vực Túi – là nơi rộng nhất của sông Di, rồi biến mất. Không ai biết các nhân vật đã đi đâu.

Cuộc đời nhiều nhân vật gắn bó với dòng sông đến mức không thể tách rời: ngoài những người làm nghề chài lưới thì còn có những người bán ghe hàng bông. Những chợ nổi họp trên sông với người mua kẻ bán nhộn nhịp như chợ nổi Cà Mau trong truyện *Biển người mệnh mông*, chợ nổi 379 trong truyện *Dòng nhớ (Cánh đồng bắt tận)*; chợ Vàm Nước Chảy trong truyện *Đường về Xẻo Dắt (Đảo)*... Truyện *Nhớ sông (Cánh đồng bắt tận)* kể về gia đình ông Chín sống trên chiếc ghe trên sông Cái Lớn. Con gái ông Chín là Giang, lấy chồng và về ở miền đất liền. Tuy nhiên, Giang thường xuyên chèo ghe ra sông vì nỗi nhớ sông không thể nào nguôi ngoai. Ở truyện *Dòng nhớ*, nhân vật tôi đã nói rằng “Ba tôi là người của sông” (Nguyễn, 2020, p.131). Trong *Thềm nắng sau lưng (Khói trời lộng lẫy)*, mẹ và bà hết sức ngăn cản vẫn không làm nguôi ngoai đam mê sông nước của Bằng. Bằng 20 tuổi vẫn thường xuyên bị mẹ trói vào cột nhà mỗi khi tàu bè đi qua. Tuy nhiên, tâm hồn của Bằng đã trôi theo những chiếc tàu bè trôi nổi trên sông, đi đến những vùng đất xa lạ. Cuối cùng, cậu quyết định từ giã sự bao bọc của gia đình, dấn thân vào cuộc đời phiêu bạt để thỏa mãn đam mê của mình. Văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư còn miêu tả nhiều làng nằm trên sông nước, gọi là làng nổi “nước lên làng lên, nước xuống làng tụt xuống” (Nguyễn, 2012, p.223). Giữa vùng đất sông ngòi, kênh, rạch chằng chịt; con người gắn bó với nước như hơi thở của mình.

Cổ mẫu nước trong văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư thể hiện vấn đề sinh thái tự nhiên. Nước nuôi dưỡng, che chở nhưng cũng sẵn sàng chảy trôi, cuốn đi vạn vật. Nước ẩn chứa nhiều hiểm nguy, đe dọa cuộc sống con người. Mỗi khi mạch nước bị tổn thương thì cuộc sống con người cũng trở nên khó khăn cùng cực. Với tiểu thuyết *Sông*, con người nhìn sông Di như một sinh vật có tính cách và tình cảm “Cư dân ngã Chín gọi sông là bà. Nín nhin và dịu dàng, khéo léo và có vẻ vô hại, nhưng đầy thù hận và hung hiểm” (Nguyễn, 2012, p.33). Sông Di đã kéo quán Tầm Sương chìm vào dòng nước, vùng Túi – vùng nguy hiểm nhất của sông Di - đã nuốt nhiều mạng người. Tình trạng thiếu nước hoặc nước nhiễm mặn đã ảnh hưởng đến cho con người và các sinh vật. *Cánh đồng bắt tận* (tập truyện cùng tên) kể về gia đình của Nương đi qua một xóm thiếu nước khiến cây lúa chết, đàn vịt đói, con người tàn tạ. Ở truyện *Sầu trên đỉnh Puvan (Gió lẻ và 9 câu chuyện)*, hạn hán làm đàn dê chết gần hết, chỉ còn một con ốm o gầy mòn. Nửa làng đã phải bỏ vào phố để làm mướn, ăn xin. Truyện *Mưa mây (Không ai qua sông)* kể rằng khi ao Bà Mụ bị đắp đê xây tượng đài thì bỗng dưng mực nước ngầm bị tụt sâu, cây cỏ không thể mọc nổi, cây lúa chết đen trên đồng. Như vậy, nước biểu hiện sức mạnh riêng của tự nhiên. Mỗi quan hệ của con người và

nước là mối quan hệ gắn bó không thể tách rời. Khi một yếu tố trong môi trường sinh thái bị tổn thương, những yếu tố còn lại cũng bị ảnh hưởng. Nhìn chung, cổ mẫu nước trong văn xuôi hư cấu Nguyễn Ngọc Tư vẫn giữ nét nghĩa gốc nhưng đã thể hiện cuộc sống, tình cảm của con người thời hiện đại.

2.2. *Cổ mẫu đất*

Đất là nơi con người và vạn vật đi lại, sinh sống và tồn tại. Đất sinh ra và nuôi dưỡng vạn vật. Chính vì thế, cổ mẫu đất là một trong những cổ mẫu tự nhiên lâu đời nhất “Đất đồng nhất với người mẹ, đất là một biểu tượng của sức sản sinh và tái sinh. Đất sinh ra mọi sinh vật, nuôi dưỡng muôn loài để rồi tiếp nhận lại từ chúng cái mầm đầy sức sinh sôi nảy nở” (Chevalier & Gheerbrant, 2002, p.288). Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Thanh Xuân trong *Huyền thoại và văn học*, cổ mẫu đất vô cùng quan trọng “những tài liệu về triết học và văn hóa học ở Việt Nam, khi đề cập đến vũ trụ quan người Việt nói riêng (và phương Đông nói chung) thường nêu ra cặp phạm trù đối lập đầu tiên là đất và trời, tương ứng với mẹ và cha, âm và dương” (Khoa, 2007, p.285). Sử thi Mường *Đẻ đất đẻ nước* với nhân vật mụ Dạ Dần đã đề cập rất sớm về cặp đôi cổ mẫu đất và nước.

Trong văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư, nhân vật có thể sống trên mặt nước lẫn trên mặt đất. Đất ở đây bao gồm cả phần đất liền và những hòn đảo, những cù lao, những hòn giữa biển, giữa sông. Con người đi qua đi lại giữa đất và nước, không thể thiếu một trong hai. Sau khi con người trôi nổi trên mặt nước để đánh bắt cá, tôm...; để thỏa mãn ước mơ duy trì sự sống và được phiêu lưu, khám phá những điều mới lạ; đất lại đón con người về để với sự vững chãi, bình yên. Đất sinh ra và nuôi dưỡng muôn loài. Trong văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư, người đọc thường thấy cảnh tượng những cánh đồng lúa trĩu bông, thợ gặt từ khắp nơi đổ về để thu hoạch. Trên đất, con người trồng cây, trồng lúa, làm nhà... và gắn bó với mảnh đất của mình. Trong *Nước như nước mắt (Khói trời lộng lẫy)*, khi đất bị nước xâm lấn, cây trái tàn lụi, chỉ có cỏ đuôi mèo còn sống được. Bị tách khỏi mặt đất, cỏ cây và con người cũng chới với. Không được đất nuôi dưỡng, màu xanh của cỏ cây không còn nữa, con người cũng trở nên tha hóa, chồng của Sáo đã bị người ta hại chết. Đất còn có giá trị nuôi dưỡng tinh thần của con người. Người mẹ của Sáo chỉ ao ước lúc chết được nằm trên đất của mình. Ở truyện *Cỏ xanh (Ngọn đèn không tắt)*, đám thanh niên thành thị than thở không có một khoảng đất để có thể đá banh, mọi khoảng trống đã bị nhà cửa lấp kín, con người cảm thấy ngột ngạt. Khi tuổi già sức yếu, ông Hai, ông Chín của *Cái nhìn khắc khoải, Nhớ sông (Cánh đồng bắt tận)* quyết định không đi lang bạt nữa. Ông mua đất, cất nhà, ở nhà an cư lạc nghiệp. Nhân vật Nương của *Cánh đồng bắt tận* (tập truyện cùng tên) khao khát sự trở về với đất liền, với căn nhà nhỏ để chấm dứt chuỗi ngày phiêu bạt. Về với đất là về với ngôi nhà, về với sự bình yên.

Đất là biểu tượng của nguồn sống, của sự bình yên và vững chãi. Đất nuôi dưỡng con người, con người tồn tại trên mặt đất, cho đến khi nhắm mắt xuôi tay con người lại trở về với lòng đất. Chính vì thế, con người gắn bó với đất đai bằng tình cảm thiêng liêng. Trong

truyện *Thương quá rau răm (Cánh đồng bất tận)*, đất ở đây là vùng cù lao nghèo khó nhưng cuộc sống vẫn chan chứa tình cảm. Nhân vật yêu thương mảnh đất cù lao vô cùng, nguyện một đời không bao giờ đi đâu xa ra khỏi mảnh đất ấy. Ở truyện *Nhớ sông (Cánh đồng bất tận)*, ông Chín tin người vợ đã mất và hóa thành “thành nước, thành đất, thành cỏ, thành cây...” (Nguyễn, 2020, p.127). Trong *Đất (Không ai qua sông)*, khi đất bị quy hoạch để làm sân gôn, bà Mười kiên quyết giữ đất để con cháu có thể tìm về. Đất còn là nơi có mộ tổ tiên, ông bà; điều này khiến con cháu không thể rời xa mảnh đất quê hương (truyện *Thổ Sầu – Gió lẻ và 9 câu chuyện khác*).

Trong mối quan hệ của đất và người, con người không ở vị trí trung tâm. Đất có tiếng nói riêng. Khi đất bị tổn thương, sự sống của con người bị ảnh hưởng sâu sắc. Tập truyện *Cánh đồng bất tận* kể về những cánh đồng thành đô thị, biển xâm lấn vào đất liền, những cánh đồng chết khô, đất bị khai thác đến kiệt quệ. Sông Di (*Sông*) đã có lần cuốn trôi những mảnh đất và những ngôi nhà. Cũng trong tác phẩm này, cây phượng trắng và dãy nhà sàn biến mất để nhường chỗ cho một trung tâm thương mại. Điều này khiến nhiều người cảm thấy sợ hãi. Một ngọn núi có nguy cơ nứt vỡ do nó bị con người khoét lấy đá nung vôi. Trong *Núi lở (Gió lẻ và 9 câu chuyện khác)*, người ta khai thác núi để làm nhà nghỉ. Sau đó, núi lở, làm sập nhà nghỉ, làm chết người. Truyện ngắn *Khói trời lộng lẫy* (tập truyện cùng tên) kể về vùng thảo nguyên Thổ Sầu bị xới tung để khai thác quặng, bị biến thành một đại công trường. Đất còn bị nước nuốt chửng từng mảng. Trong *Đi thật xa mới đến nhà bạn cũ (Không ai qua sông)*, đất nứt ra, cả dãy phố chìm dần vào nước. Những khi đất bị tổn thương như vậy, cuộc sống của người dân trở nên khó khăn đến cùng cực, nhiều người phải bỏ đi nơi khác để sinh sống. Mối quan hệ của con người và đất là mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau một cách chặt chẽ.

2.3. Cổ mẫu cây

Cổ mẫu cây có ý nghĩa là biểu hiện của sự sống, sự tuần hoàn. Bên cạnh đó, cây còn có thể có sự liên thông với tầng cao của vũ trụ. Nhà nghiên cứu E.M.Meletinsky cho rằng có những loại cây “có khả năng giữ được mối liên hệ giữa con người và thần linh, giữa trời và đất để hoàn thành nhiệm vụ của kẻ trung gian” (Meletinsky, 2004, p.284). Cây vũ trụ được cho rằng có hai loại. Thứ nhất là “Các thần hình người thường hòa trộn với hình cây vũ trụ” (Meletinsky, 2004, p.282). Thứ hai, liên thông giữa đất và trời có thể là “một con đường theo một thân cây mọc thẳng lên cao, theo một cái cột, một ngọn núi, theo những mắt xích của các mũi đầu cuối nối nhau, theo cầu vồng, theo một tia sáng, theo một cái thang...” (Meletinsky, 2004, p.286). Nhà nghiên cứu Trịnh Bá Đình xác định về cây vũ trụ: “Trong thần thoại các dân tộc thiểu số Việt Nam, biểu tượng cây vũ trụ hay còn gọi là cây thế giới là cách gọi tên một số loại cây được miêu tả với sự đồ sộ, kì vĩ, khổng lồ. Các loài cây ấy được gọi là cây vũ trụ/thế giới bởi lẽ rễ cây chìm khuất trong đất và cành thì vươn lên trời, khắp nơi cây được xem như là một biểu tượng về những quan hệ đã thiết lập giữa đất và trời” (Trinh, 2018, p.196).

Trong văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư, cỏ mẫu cây biểu hiện cho sự sống. Cây cũng nuôi sống con người. Cuộc sống của người dân gắn liền với những cánh đồng lúa, vườn trái cây, dừa nước, lau sậy, cỏ dại... Bên cạnh đó, cây cũng có cuộc sống như con người. Khi giao hòa cùng cỏ cây, con người trở nên thanh thản, được an ủi, được che chở. Nhân vật Vĩnh của *Sầu trên đỉnh Puvan (Gió lẻ và 9 câu chuyện khác)* say mê ngắm hoa sầu đông rồi quyết định ở lại mãi mãi với cỏ cây. Vĩnh từ biệt phố thị đầy nỗi lo âu và quyết định trút bỏ nợ trần. Cậu bé Phiên của *Khói trời lồng lẫy* (Tập truyện cùng tên) không nhổ cái đũa bán vì thấy tội nghiệp đũa rồi cậu say mê với luống hoa cải vàng lồng lẫy. Đối với các nhân vật trong văn xuôi hư cấu Nguyễn Ngọc Tư, cây có sự sống như con người, có tiếng nói riêng, cũng biết vui, biết đau, biết buồn, biết cảm thông và chia sẻ. Nhân vật cảm thấy con người và cây cỏ có mối tương giao. Trong truyện ngắn *Thương quá rau răm*, nhân vật tự ví mình như cây lục bình “Đời ta là lục bình, trôi đâu cũng được” (Nguyễn, 2020, p.20). Ở truyện “*Thổ Sầu*” (*Gió lẻ và 9 câu chuyện khác*), cỏ trên triền sông từ trên bờ thò xuống đất như đang gục đầu gọi tóc. Nhân vật “anh” trong *Viện Di sản* lặng lẽ khóc khi chứng kiến những cánh rừng bị tàn phá trong khi anh đã cố gắng hết sức vẫn không thể ngăn cản được. Truyện *Gió lẻ (Gió lẻ và 9 câu chuyện khác)* kể về nhân vật “em” sống cùng rầy bấp, cùng con chó, con mèo, con chim... “Em” chỉ biết nói tiếng của loài cây, loài vật – tiếng nói hiền hòa, chân thật; không bao giờ có sự giả dối hoặc làm tổn thương nhau. Nhân vật Xu trong tiểu thuyết *Sông* rất thích chụp hình và nâng niu những cây cỏ dại. Anh tìm thấy sự giống nhau của bản thân anh và cây cỏ. Anh cũng từng là một đứa trẻ mồ côi. Lớn lên anh vẫn khắc khoải đi tìm nguồn cội của mình, cũng như cỏ dại không biết về nguồn cội nhưng vẫn luôn mạnh mẽ vươn lên. Nhân vật Xuyến trong truyện ngắn *Duyên phận so le (Cánh đồng bắt tận)* coi cây điệp già là bạn tri kỉ. Cây điệp đã chứng kiến Xuyến để lại đứa con cho người khác nuôi. Hằng đêm, khi Xuyến nhớ con, cô lại tìm đến cây điệp già để tìm sự an ủi. Truyện *Biển người mệnh mông (Cánh đồng bắt tận)* khắc họa nhân vật Phi luôn cảm thấy nhớ day dứt triền dừa nước trước sân nhà ngoại – nơi anh từng được ngoại cru mang và lớn lên.

Văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư còn xuất hiện những cây thiêng. Điều này cho thấy, trong tâm thức con người, cây không chỉ mang sự sống, tồn tại bên con người như những người bạn tri âm tri kỉ mà cây còn ẩn chứa những sức mạnh siêu nhiên. Những cây này liên thông giữa đất và trời. Cây bi-ia của tiểu thuyết *Sông* có chín ngọn, đã 8 lần bị sét đánh vẫn không chết. Cây bi-ia che chở cho một cái miếu. Nhiều câu chuyện ma quái kể về cây khiến mọi người phải kính sợ. Cây sầu chung 500 năm tuổi bị khoét gốc làm đường, người ta nghe tiếng khóc của cây suốt 7 ngày 7 đêm trong *Nhỏ quán (Không ai qua sông)*.

Khi sự công nghiệp hóa diễn ra, sự sống của cây bị đe dọa, sự sống của con người cũng trở nên khốn khó. Văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư miêu tả những cây lúa chết khô vì thiếu nước, những cánh đồng phải nhường chỗ cho đô thị. *Khói trời lồng lẫy* (tập truyện cùng tên) kể về cánh rừng 200 năm tuổi đã bị san phẳng và thay bằng một khu công nghiệp lớn. Những con người trong *Viện Di sản* chứng kiến và đau xót trước sự biến mất của vẻ đẹp

của rừng. Di nhận thấy con người đã can thiệp thô bạo, hủy hoại tự nhiên: “không con nào tàn phá gây hại như con người, đi tới đâu thiên nhiên lụn bại tới đó” (Nguyen, 2010, p.143). Rừng đã trả thù con người bằng cách biến mất, những thảm họa trút xuống con người. Như vậy, sự sống của cây và người có nhiều sự tương đồng. Trong những hoàn cảnh đó, con người cũng thiếu thốn, tàn tạ; nhiều người phải bỏ đi nơi khác để tìm sự sống. Những kẻ phá rừng đều bị sông và rừng trừng trị (tiểu thuyết *Sông*). Tự nhiên có tiếng nói và sức mạnh riêng. Điều này thể hiện mối quan hệ chặt chẽ của con người và tự nhiên.

2.4. *Cổ mẫu người nữ*

Theo nhà nghiên cứu C.G.Jung, tính nữ hiện thân cho một phương diện của vô thức gọi là anima, “anima là hiện thân cho tất cả những khuynh hướng tâm lý nữ tính của tâm hồn con người, ví dụ như là những tình cảm, những tâm trạng mơ hồ, những trực giác tiên đoán, tính nhạy cảm về sự phi lý, năng lực tình yêu cá nhân, tình cảm đối với thiên nhiên và sau cùng – nhưng không phải là kém hơn – là những mối liên hệ với vô thức... Anima cũng có thể tượng trưng cho một ảo mộng về tình yêu, về hạnh phúc, về hơi ấm của người mẹ (cái tổ), một giấc mơ xúi giục con người quay lưng với thực tại” (Chevalier & Gheerbrant, 2002, p.708).

Kết quả khảo sát cho thấy người nữ xuất hiện trong tất cả các tác phẩm văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư. Một số tác phẩm đề cập người nữ ngay trong nhan đề gồm *Huê lấy chồng*, *Cái ơi*, *Cuối mùa nhan sắc*, *Thảm*, *Chuyện của Điệp*, *Đời Như Ý*, *Làm má đâu có dễ*, *Làm mẹ*, *Đánh mất cô dâu*. Trong các tác phẩm khác, người nữ cũng luôn là trung tâm của những câu chuyện kể, được miêu tả nhiều, gây ấn tượng với người đọc. Họ gồm nhiều lứa tuổi khác nhau: trẻ thơ, thiếu nữ, cô dâu, người mẹ, người bà... Họ làm nhiều nghề trong xã hội: nội trợ, làm nông, chài lưới, buôn bán, nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ...

Nhân vật nữ của Nguyễn Ngọc Tư lúc nào cũng có chiều sâu, bên trong ngoại hình giản dị là những tâm sự trái ngang, những nỗi ám ảnh dày vò suốt cả cuộc đời. Họ siêng năng, thánh thiện nhưng thường bị đối xử bất công bởi số phận, chiến tranh, gia đình, những người đàn ông. Họ luôn khao khát yêu thương nhưng nhiều khi những yêu thương đó không được đáp trả, hạnh phúc vỡ tan; họ lại trôi vào thế giới vô định. Nhiều nhân vật nữ lớn lên trong cảnh mồ côi như Thảm trong truyện “Thảm” (*Không ai qua sông*), “em” trong *Gió lẻ (Gió lẻ và 9 câu chuyện khác)*; Di trong *Khói trời lơ lửng* (tập truyện cùng tên)... Nhân vật “em” trong *Gió lẻ* mồ côi mẹ, cha bỏ rơi, bị hãm hại bởi chính người nhận nuôi. “Em” không thể nói được tiếng người nữa. Dù có một người cha giàu có và nổi tiếng nhưng sự sống của “em” bị phớt lờ. Nhân vật “em” bất hạnh, sống mà như đã chết, cuối cùng nhân vật đã tự giải thoát cho mình bằng cái chết. Cuộc đời “em” để lại dấu chấm hỏi, như lời nói của con ma trong lời đề từ của tác phẩm rằng tại sao con người không thể nhìn thấy nó kể cả khi nó còn sống. Khi những người phụ nữ lấy chồng lại gặp cảnh trái ngang như chồng mất, chồng ngoại tình, chồng hành hạ hoặc hắt hủi; thậm chí như Nhí bị người chồng ngoại quốc giết trong *Lời yêu (Không ai qua sông)*, con gái Tư Thiêm bị chồng giết trong *Đánh mất cô dâu*

(*Đảo*). Những người phụ nữ vất vả một đời nhưng vẫn bị chồng đánh đập trong *Không ai qua sông* (tập truyện cùng tên). Nhiều người mẹ, người bà lặng lẽ nuôi con, nuôi cháu như bà ngoại của Điệp trong *Chuyện của Điệp* (*Ngọn đèn không tắt*), bà ngoại của Bằng trong *Thềm nắng sau lưng*, bà ngoại của bé trong *Rượu trắng* (*Khói trời lơ lửng*)... Người nam như người cha, người chồng, người tình, người con của họ thường đam mê lang bạt hoặc rượu chè. Người nữ dành tất cả tình thương để níu kéo nhưng thường bất lực phải buông tay. Đôi khi, sự khổ đau của người nữ lại đến từ những thử thách của chiến tranh, của số phận. *Vết chim trời* (*Gió lè và 9 câu chuyện khác*) khắc họa người mẹ day dứt khôn nguôi khi hai đứa con ở hai chiến tuyến, đứa còn đứa mất. Không gì đau đớn hơn người phụ nữ mất đi đứa con của mình. Họ như điên dại. Lí do để có thể sống tiếp của họ là chờ đợi ngày con trở về. Đó là bà Mười trong truyện *Đất* (*Không ai qua sông*) bị mất con, tìm con đến phát điên. Người phụ nữ (*Coi tay vào sáng mưa* trong *Đảo*) bị lạc mất con, làm nghề bói chỉ tay mong được gặp nhiều người để tìm kiếm tung tích con mình. Nhàn mất con, chồng Nhàn hay đánh đập vợ và thường xuyên đốt nhà (*Tro tàn rực rỡ* trong *Đảo*). Nhàn đã tự tử trong đám cháy khi không còn tìm thấy hạnh phúc nào ở đời nữa. Người nữ trong văn xuôi hư cấu Nguyễn Ngọc Tư khiến người đọc không khỏi liên tưởng tới hình tượng đất. Người nữ và đất là biểu tượng của nguồn sống, của sự tận hiến nhưng đều bị đối xử bất công, bị bóc lột đến cạn kiệt.

Người nữ dù bị đối xử thiệt thòi nhưng vẫn khao khát tình yêu. Tuy nhiên, khát vọng hạnh phúc của họ thường bị vỡ tan. Trong *Rượu trắng* (*Khói trời lơ lửng*), bé và bà ngoại khao khát một tình yêu chân thành nhưng dù có mở lòng vẫn không hề tìm thấy. Chị Mười trong *Nhỏ quán* (*Không ai qua sông*) cả chục lần dờn quán theo người yêu đến những vùng đất xa lạ, để tiện bề chăm sóc anh ta, nhưng đáp lại chỉ là sự lạnh lùng, hờ hững. Thầm trong *Thầm* (*Không ai qua sông*) là một vận động viên vô địch giải marathon thế giới nhưng bất lực trong việc tìm kiếm hạnh phúc ở gia đình, ở tình yêu. Ngoại vốn là mẹ đơn thân khi còn rất trẻ, hẹn với người tình sẽ sum họp cùng nhau để an hưởng tuổi già (*Đi bụi* trong *Đảo*). Tuy nhiên, ngoại không thể lo cho hạnh phúc riêng khi con, cháu đang cần bàn tay của ngoại chăm sóc. Cho đến khi ngoại có thể lo cho hạnh phúc riêng của mình thì người tình đã không còn trên đời nữa. Vài người phụ nữ dám bỏ tất cả để chạy theo tình yêu nhưng phải trả giá rất đắt vì bị hắt hủi (*Cánh đồng bất tận* trong tập truyện cùng tên), bị thiệt mạng vì dòng nước xiết (*Một chuyện hẹn hò* trong *Gió lè và 9 câu chuyện khác*)...

Dù cuộc đời nhiều bất công, ngang trái nhưng người nữ thường mang bản năng của người mẹ luôn dịu dàng, chở che. Họ là chỗ dựa tinh thần, giúp con người vượt qua những gian khó của cuộc đời. Những người chị, người vợ, người mẹ, người bà... che chở cho em, chồng, con, cháu... của mình. Cho dù vạn vật có đổi thay, họ vẫn là trụ cột trong những mái nhà, chứng kiến sự đổi thay của con người và cuộc sống, chờ đợi những người thân trở về. Đặc biệt, những người mẹ dù đang gặp nguy hiểm vẫn cố gắng trở về với con của mình như Dịu trong *Sầu trên đỉnh Puvan* (*Gió lè và 9 câu chuyện khác*). Họ chấp nhận từ bỏ hào quang, danh vọng, nghề nghiệp để đổi lấy ngày tháng bên con như nghệ sĩ Diệu trong *Làm má đầu*

có dễ (Giao thừa). Họ đánh đổi tất cả để được làm mẹ như nhân vật Diệu, Lành trong *Làm mẹ (Giao thừa)*. Những người phụ nữ bỗng đưa con của mình ôm con đi khắp nơi, đi tìm Đức Ngai để xin phương thuốc chữa bệnh cho con trong tiểu thuyết *Biên sử nước*. Người nữ mang đặc điểm của đất, luôn dịu dàng, chở che cho sự sống, đặc biệt là những đứa con của mình. Nhìn chung, người nữ trong văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư mang ý nghĩa của cổ mẫu người nữ trong văn hóa nhân loại.

3. Kết luận

Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư định vị phong cách nghệ thuật của mình trong văn học đương đại Việt Nam bằng các tác phẩm thể hiện đậm đà đặc trưng vùng miền: đặc điểm tự nhiên, con người Tây Nam Bộ. Các cổ mẫu tiêu biểu nhất ở các tác phẩm này là cổ mẫu nước, cổ mẫu đất, cổ mẫu cây, cổ mẫu người nữ. Mỗi cổ mẫu lại có hình thái, chức năng khác nhau. Nước không chỉ là nguồn sống mà còn là nơi chứng kiến con người sinh ra và lớn lên, có thể khiến con người thanh tẩy và tái sinh. Cổ mẫu đất là nguồn sống, là nơi con người gắn bó. Cổ mẫu cây không chỉ là nguồn sống nuôi dưỡng con người mà còn mang sự sống như chính con người. Cổ mẫu người nữ thể hiện vai trò là khởi nguồn và nuôi dưỡng sự sống nhưng luôn phải chịu sự bất công. Người phụ nữ như hình tượng đất, luôn tận hiến nhưng bị đối xử bất công. Các cổ mẫu này cho thấy mối quan hệ chặt chẽ của con người và tự nhiên, của người và người. Trong một thế giới phát triển bền vững, con người không còn là trung tâm, cũng như người đàn ông không thể có quyền lực tối thượng. Vạn vật trên thế giới này cần phải có mối quan hệ bình đẳng với nhau.

Nhờ thế giới cổ mẫu, văn xuôi hư cấu của Nguyễn Ngọc Tư có cảm quan mang màu sắc huyền thoại của con người về cuộc sống. Đó là quan niệm vạn vật hữu linh, sự cô đơn trước vũ trụ bao la mà con người thì bé nhỏ, kiếp người thì hữu hạn... Những quan niệm đó vẫn tồn tại đến ngày hôm nay, khi khoa học tưởng chừng đã soi sáng tất cả. Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư có tình yêu lớn lao dành cho quê hương, xứ sở. Với các cổ mẫu tự nhiên, nhà văn đã để nhân vật, người đọc chìm vào nỗi lo sinh thái tự nhiên; thể hiện khát khao sống hòa hợp cùng tự nhiên trong bối cảnh môi trường sống đang bị đe dọa. Đồng thời, cổ mẫu xã hội như cổ mẫu người nữ đã thể hiện sự báo động về vấn đề sinh thái xã hội; thể hiện khát khao bình đẳng nam nữ. Với các tác phẩm văn xuôi hư cấu này, nhà văn Nguyễn Ngọc Tư đã chọn lọc, chuyển hóa công phu những gì ra đi từ truyền thống để cấp cho cổ mẫu những ý nghĩa mới mang hơi thở hiện thực và thể hiện sự tiến bộ trong nghệ thuật phản ánh cuộc sống.

TÁC PHẨM KHẢO SÁT

Nguyen, N. T. (2010). *Khói trời lồng lầy [Splendid smoke of the sky]*. Tre Publishing House.

Nguyen, N. T. (2012). *Sông [River]*. Tre Publishing House.

Nguyen, N. T. (2020). *Cánh đồng bất tận [Endless fields]*. Tre Publishing House.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Nguồn ngân sách khoa học và công nghệ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trong đề tài mã số CS.2024.19.62.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chevalier, J. & Gheerbrant, A. (2002). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới: huyền thoại, chiêm mộng, phong tục, cử chỉ, dạng thể, các hình, màu sắc, con số* [Dictionary of world cultural symbols: myths, dreams, customs, gestures, forms, shapes, colors, number]. (Trans. Pham, V.C.). Danang Publishing House.
- Jung, C. G. (2007). *Thăm dò tiềm thức* [Exploring the subconscious], (Trans. Vu, D. L.). Knowledge Publishing House.
- Faculty of Literature and Journalism. (2007). *Huyền thoại và văn học* [Myths and literature]. Ho Chi Minh City National University Publishing House.
- Meletinsky, E. M. (2004). *Thi pháp của huyền thoại* [Poetics of myth], (Trans. Tran, N. T., & Song, M.). Natinal university Publishing House.
- Trinh, B. D. (2018). *Từ kí hiệu đến biểu tượng* [From signs to symbols]. Hanoi National University Publishing House.

NGUYEN NGOC TU'S FICTIONAL PROSE FROM AN ARCHETYPAL PERSPECTIVE

Hoang Thi Thuy Duong

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author: Hoang Thi Thuy Duong – Email: duonghtt@hcmue.edu.vn

Received: September 07, 2024; Revised: November 05, 2024; Accepted: March 04, 2025

ABSTRACT

Nguyen Ngoc Tu is a prominent female writer of Southern literature. She is known for her vivid fictional prose encompassing both short stories and novels that portray the everyday life and spirit of the Southern region and people. A survey of seven short story collections and two novels reveals that her works consistently employ a rich system of archetypes—such as water, earth, trees, wind, clouds, sky, fields, fire, smoke, boats, docks, women, and dreams. These archetypes, each carrying distinct symbolic meanings, share a common feature: they reflect long-standing bonds between humans and nature, embody the spiritual and emotional life of Southern people, and create sympathy in the hearts of readers. This article presents the forms and meanings of the four major archetypes in Nguyen Ngoc Tu's fictional prose: water, land, tree, and woman. This paper then elucidates how these archetypal patterns contribute to her distinctive literary voice and her broader significance within contemporary Vietnamese literature.

Keywords: archetypes; fictional prose; nature; Nguyen Ngoc Tu